TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2023/QĐST-DS	*Thuỷ Nguyên, ngày 10 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117; Điều 119; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 463; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 95/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K; Địa chỉ trụ sở chính: Số 191, phố T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (nay là Số 6 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Lan Hương – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ – Ngân hàng TMCP K (Văn bản ủy quyền số 328.03/2022/UQ-TCB, ngày 17/5/2022).

Bị đơn: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1970 (đã chết) và vợ bà Trần Thị D, sinh năm 1971; Nơi cư trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:

- Chị Bùi Thị L, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Đ, K, xã T, huyện T, thành phố H (là con ông N, bà D).

- Chị Bùi Thị T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn An Tiến, xã An Lư, huyện T, thành phố H (là con ông N, bà D).

Người đại diện theo ủy quyền của chị L, chị T: Bà Trần Thị D, sinh năm 1971; Nơi cư trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố H. (Văn bản ủy quyền ngày 30/12/2022 có chứng thực của UBND xã T).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: Ngân hàng TMCP K và bà Trần Thị D thống nhất thỏa thuận bà Trần Thị D đồng ý, tự nguyện nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TPCP K toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/02/2022 cụ thể là:

Hợp đồng tín dụng số TNN201440/HĐTD ngày 27/8/2014 và Khế ước nhận nợ số: TNN20144001, ngày 28/8/2014 tổng số tiền gốc và lãi là 180.417.998 đồng; trong đó tổng số nợ gốc là: 83.331.408 đồng; lãi trong hạn là 22.610.287đồng; lãi quá hạn 74.476.303 đồng.

2.2. Kể từ ngày 28/02/2022 cho đến khi thi hành án xong, bà Bùi Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục T toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về phương án trả nợ: Bà Trần Thị D phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền nói trên trong thời hạn 04 tháng kể từ tháng 3/2023 đến tháng 5/2023 mỗi tháng trả tối thiểu 5.000.000 đồng thu vào nợ gốc và chậm nhất đến ngày 30/6/2023 trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại.

2.4. Trong trường hợp bà Trần Thị D vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào theo thỏa thuận thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất cùng toàn bộ các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 584A, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố H đã được Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 355684, số vào sổ cấp GCN: CH 00279 cấp ngày 19 tháng 11 năm 2012 đứng tên chủ sử dụng ông Bùi Văn N và bà Trần Thị D đã được ký thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 03214.

CVN/2014.HĐTC, quyển số: 02-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 27/8/2014 tại Văn phòng công chứng An Phát (diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 355684 là 112m^2, diện tích đất đo vẽ thực tế là 89,6m^2 có các mốc giới từ mốc 1 đến mốc 15 có sơ đồ kèm theo).

2.5. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ để trả khoản nợ thì bà Trần Thị D phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà thừa thì phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị D.

2.6. Về án phí

Bà Trần Thị D nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 4.510.450 đồng. Trả lại Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.800.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008225, ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi Cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Lưu VT; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Mến

Kính gửi: - TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

Căn cứ quyết định số 11/2019/QĐXXST-KDTM ngày 01/07/2019 của Tòa Án Nhân Dân Huyện T về việc " Quyết định đưa vụ án ra xét xử " . Để tạo điều kiện cho bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kinh tế Xuất nhập khẩu Sao Mai trong quá trình trả nợ cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tô Hiệu. Hai bên đã có thỏa thuận trả nợ Ngân hàng như sau :

+ Chậm nhất đến ngày 15/09/2019 : Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kinh tế Xuất nhập khẩu Sao Mai sẽ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tô Hiệu số tiền là 150.000.000,đ.

+ Chậm nhất đến ngày 15/11/2019 : Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kinh tế Xuất nhập khẩu Sao Mai sẽ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tô Hiệu số tiền là 60.000.000,đ.

+ Chậm nhất đến ngày 31/12/2019 : Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kinh tế Xuất nhập khẩu Sao Mai sẽ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tô Hiệu số tiền nợ còn lại.

Nếu trong quá trình trả nợ trên Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kinh tế Xuất nhập khẩu Sao Mai vi phạm tại bất kỳ thời điểm nào thì Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tô Hiệu đề nghị Thi Hành Án Huyện T tiến hành kê biên phát mại bán tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng toàn bộ các tài sản thế chấp nợ vay còn lại bao gồm:

Phương tiện giao thông vận tải thủy:

- Tên phương tiện: Sao Mai 68
- Số đăng kí: HP 4129
- Cấp phương tiện: VR-SI
- Công dụng: Chở hàng khô
- Năm/nơi đóng: 2016-Quảng Ninh
- Chiều dài thiết kế: 65.10 m
- Chiều dài lớn nhất: 68.10 m
- Chiều rộng thiết kế: 11.20 m
- Chiều rộng lớn nhất: 11.40 m
- Chiều cao mạn: 3.85 m
- Chiều chìm: 3.20 m
- Mạn khô: 0.66 m
- Vật liệu vỏ: Thép
- Số lượng, kiểu, công suất máy chính và số máy: 2; YC6MK300C;600
- Dung tích: 936 Gt
- Tổng công suất: 600.0/34.0
- Trọng tải toàn phần: 1653 tấn
- Cảng đăng kí: Quảng Ninh
-Tổ chức đăng kiểm: Việt Nam

-Giấy tờ tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận đăng kí phương tiện thủy nội địa số đăng ký: HP 4129 do Sở Giao Thông Vận Tải TP H cấp ngày 29/01/2016

Trân trọng.